

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

***Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2022
V/v: “Hôn nhân và gia đình”.***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân và bà Vi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**; sinh năm 1973

Nơi c- trú: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Đỗ Quốc Q**; sinh năm 1967

Nơi đăng ký thường trú: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà - Cục C10, Bộ Công an (địa chỉ; huyện K, tỉnh Hà Nam).

Chị T và anh Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị T trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Đỗ Quốc Q tự nguyện kết hôn với nhau ngày 17/12/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với gia đình anh Q một thời gian thì ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trước khi kết hôn chưa tìm hiểu kỹ nên không thực sự hiểu về nhau, không hợp về tích cách, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng không hòa thuận. Ngoài ra, anh Q còn liên quan đến ma túy,

nhiều lần vi phạm pháp luật. Gần đây nhất là năm 2014, anh Q bị phạt 10 năm tù về tội mua bán trái phép ma túy, hiện vẫn đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam N. Chị xác định hôn nhân giữa chị với anh Q không có hạnh phúc và tình cảm vợ chồng không còn vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Quốc Q.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày chị và anh Đỗ Quốc Q có với nhau 01 con chung là Đỗ Ngọc L; sinh ngày 01/11/2005. Từ trước cho đến nay con chung vẫn do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đang ở với chị tại khu 4, xã H, huyện T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị T trình bày chị và anh Đỗ Quốc Q không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Đỗ Quốc Q hiện đang chấp hành án phạt tù, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q có lời trình bày về việc kết hôn, thời gian, thủ tục kết hôn và thời gian chung sống đúng như chị Nguyễn Thị T đã trình bày. Thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn cho đến năm 2014 anh phải chấp hành án phạt tù 10 năm. Mặc dù anh vẫn còn tình cảm với chị T nhưng do chị T không còn tình cảm với anh vì vậy anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh Đỗ Quốc Q trình bày anh và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Đỗ Ngọc L; sinh ngày 01/11/2005 hiện đang ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T. Con chung muốn ở với bố hoặc với mẹ anh đều đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu con chung ở với chị T thì hiện nay anh không có điều kiện cấp dưỡng, sau khi chấp hành xong án phạt tù anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác anh Đỗ Quốc Q trình bày anh và chị T không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn là anh Đỗ Quốc Q đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam, các đương sự không yêu cầu hòa giải và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Quốc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Cho đến năm 2014, anh Q phạm tội bị kết án tù nhiều năm và hiện vẫn đang phải chấp hành án tại Trại giam do vậy đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm và mối quan hệ vợ chồng. Nay chị T xác định tình cảm không còn và yêu cầu được ly hôn, còn anh Q cũng chấp nhận yêu cầu ly của chị T. Xét yêu cầu ly hôn của đương sự là có căn cứ, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Quốc Q đều xác nhận có 01 con chung như đã trình bày ở trên. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay của mỗi bên thì con chung vẫn đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng, anh Q đang phải chấp hành án phạt tù nên không đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Do vậy, việc giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn sẽ đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của con chung, đáp ứng được nguyện vọng của con và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu nuôi con của chị T được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị T tự nguyện không yêu cầu và anh Q hiện cũng không có khả năng để cấp dưỡng vì vậy trong vụ án này không buộc anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Quốc Q đều xác nhận không có nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của các đương sự và yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Quốc Q được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đỗ Ngọc L; sinh ngày 01/11/2005 (hiện nay con đang ở với chị T tại khu 4, xã H, huyện T). Anh Đỗ Quốc Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Quốc Q không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm

ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001601 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đông Thành;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Tạ Hồng Tuấn